



Số: 0089(2)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỒ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Vi khí hậu, tiếng ồn
Ngày quan trắc : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K3 – K8/04/12.06.2024

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Nhiệt độ ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	0 ÷ 60°C
2	Độ ẩm ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	15 ÷ 95 %RH
3	Tốc độ gió ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,1 ÷ 40 m/s
4	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Tiếng ồn	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió
Đơn vị	-	dBA	°C	%	m/s
1. Trước cổng trạm	10h00	61,7	-	-	-
2. 50 m ngoài hàng dưới gió	10h10	60,5	-	-	-
QCVN 26:2010/BTNMT	-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-	-	-
3. Phòng điều khiển	10h30	60,5	26,1	65,2	0,55
4. Khu vực thiết bị PVC	10h40	63,9	-	-	-
5. Tại khu vực gần cụm thiết bị nén	10h50	71,1	-	-	-
6. Tại khu vực gần với các cụm tách lỏng thủy ngân	11h00	69,8	-	-	-
QCVN 24:2016/BYT	-	≤ 85	-	-	-
QCVN 26:2016/BYT	-	-	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(2)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Độ rung
Ngày quan trắc : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K7 – K8/04/12.06.2024

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Độ rung ^{(a)(*)}	TCVN 6963:2001	20 ÷ 150 dB

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Mức gia tốc rung
Đơn vị	-	dB
1. Khu vực gần cụm thiết bị nén	10h50	58
2. Khu vực gần với các cụm tách lỏng thủy ngân	11h00	54
Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất thương mại dịch vụ tại khu vực thông thường (QCVN 27:2010/BTNMT)	-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 60

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0089(2)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Chất lượng không khí
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K5 – K6/04/12.06.2024

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Pb ^(A)	TCVN 6152:1996	56×10^{-6} mg/m ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Vị trí lấy mẫu	Pb
Đơn vị	mg/m ³
1. Trước cổng trạm	KPH
2. 50 m ngoài hàng dưới gió	KPH
QCVN 05:2023/BTNMT	-

Ghi chú:

(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (12 giờ/ngày)

(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(2)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 12/06/2024
Mã số mẫu : KT1/04/12.06.2024

Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1	Lưu lượng ^{(a)(*)}	US EPA Method 2	0 ÷ 4.966.000 m ³ /h
2	Bụi (PM) ^(Δ)	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
3	NO _x ^{(a)(*)} - NO ₂	HD-QT-05	0 ÷ 940 mg/Nm ³
4	SO ₂ ^{(a)(*)}	HD-QT-05	0 ÷ 13.100 mg/Nm ³
5	CO ^{(a)(*)}	HD-QT-05	0 ÷ 11.400 mg/Nm ³
6	VOCs (Toluen) ^(Δ)	US EPA Method 8015D	0,01 mg/Nm ³

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Lưu lượng	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	VOCs
Đơn vị	m ³ /h	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³
1. Khí thải tại vị trí xả tuabin	4.801	19	7,98	0	7,71	KPH
QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) (Kp =1; Kv = 1)	-	200	1.000	500	850	-

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ lấy mẫu và phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

*HD-QT-05: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo Nhiệt độ, Áp suất, NO, NO₂, SO₂, CO, CO₂ và O₂ tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(2)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt tại Trạm Tiếp Bờ LFS (1 điểm xả thải ra kênh T21 – Cống thoát nước)
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT10/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	31,0	4 ÷ 55	-	SMEWW 2550B:2017
2	pH ^(a)	-	7,22	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
3	COD ^(a)	mg/L	96,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	54,0	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
5	TSS ^(a)	mg/L	30,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
6	Sắt ^(a)	mg/L	0,69	0,05	-	SMEWW 3500-Fe.B:2017
7	Tổng Nito ^(a)	mg/L	13,7	2,0	-	TCVN 6638:2000
8	Tổng Phospho ^(a)	mg/L	2,45	0,03	-	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	Pb ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0023	-	SMEWW 3113.B:2023
10	Cd ^(Δ)	mg/L	KPH	0,00015	-	SMEWW 3113.B:2023
11	Zn ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0030	-	SMEWW 3111.B:2023
12	Ni ^(Δ)	mg/L	KPH	0,015	-	SMEWW 3111.B:2023
13	Hg ^(Δ)	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	-	TCVN 7877:2008
14	Cr ^(Δ)	mg/L	KPH	0,015	-	SMEWW 3111.B:2023
15	Mn ^(Δ)	mg/L	KPH	0,015	-	SMEWW 3111.B:2023
16	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(2)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Phiêu sinh vật – thực vật nổi
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương Pháp thử nghiệm
1	Thực vật nổi ^(A)	SMEWW 10200B:2017

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU SINH HỌC

STT	TÊN KHOA HỌC	MẬT ĐỘ (Tế bào/L)
	Class BACILLARIOPHYCEAE	
	Order Centrales	
1	<i>Biddulphia sinensis</i>	40
2	<i>Coscinodiscus centralis</i>	250
3	<i>Coscinodiscus lineatus</i>	450
4	<i>Coscinodiscus</i> sp.	1.650
5	<i>Chaetoceros curvisetus</i>	60
6	<i>Dithylum brightwellii</i>	930
7	<i>Dithylum sol</i>	470
8	<i>Rhizosolenia alata</i>	40
9	<i>Rhizosolenia calcar-avis</i>	750
10	<i>Rhizosolenia setigera</i>	80
11	<i>Rhizosolenia</i> sp.	480
12	<i>Skeletonema costatum</i>	1.440
	Order Pennales	
13	<i>Cymbella</i> sp.	30
14	<i>Navicula</i> sp.	30
15	<i>Nitzschia</i> sp.	90
16	<i>Planktoniella blanda</i>	+
17	<i>Pleurosigma angulatum</i>	70
18	<i>Pleurosigma</i> sp.	380
19	<i>Synedra ulna</i>	160

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.





CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

20	<i>Thalassionema nitzschioides</i>	720
21	<i>Thalassionema frauenfeldii</i>	1.020
22	<i>Pleurosigma angulatum</i>	220
23	<i>Pleurosigma</i> sp.	370
24	<i>Surirella eximia</i>	10
	Tổng số loài	24
	Tổng số tế bào/lít	9.740

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(2)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Phiêu sinh vật – động vật nổi
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương Pháp thử nghiệm
1	Động vật nổi ^(Δ)	SMEWW 10200B:2017

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU SINH HỌC

STT	TÊN KHOA HỌC	MẬT ĐỘ (cá thể/m ³)
	Phylum PROTOZOA	
	Class Lobosa	
	Order Arcellinida	
	Family Diffugiidae	
1	<i>Diffugia lanceolata</i> Penard, 1890	125
2	<i>Diffugia urceolata</i> Carter, 1864	250
	Phylum ROTIFERA	
	Class MONGONONTA	
	Order Ploima	
	Family Lecanidae	
3	<i>Lecane syngenes</i> Hauer, 1938	125
4	<i>Lecane</i> sp.	250
	Phylum ARTHROPODA	
	Class COPEPODA	
	Order Calanoida	
	Family Scolecitrichidae	
5	<i>Scolecithrix danae</i> (Lubbock, 1856)	+
	Family Pontellidae	
6	<i>Labidocera euchaeta</i> Giesbrecht, 1889	250
	Order Cyclopoida	
	Family Cyclopidae	
7	<i>Accanthocyclops</i> sp.	375

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

8	<i>Thermocyclops hyalinus taihokuensis</i>	125
9	<i>Thermocyclops</i> sp.	250
	LARVA	
10	Ấu trùng nhóm Copepoda	375
11	Nematoda	+
	Tổng số loài	11
	Tổng số cá thể/m³	2.125

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung tâm Công nghệ Môi trường Caset, Vimcerts 026)

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0089(2)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Động vật đáy
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương Pháp thử nghiệm
1	Động vật đáy ^(A)	SMEWW 10500B:2017

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU SINH HỌC

STT	TÊN KHOA HỌC	MẬT ĐỘ (cá thể/m ²)
	Phylum MOLLUSCA	
	Class Bivalvia	
	Order Venerida	
	Family Veneridae	
1	<i>Meretrix lyrata</i> G.B.Sowerby II, 1851	4
	Class Gastropoda	
	Order Littorinimorpha	
	Family Littorinidae	
2	<i>Littoraria scabra</i> (Linnaeus, 1758)	4
	Phylum ARTHROPODA	
	Class Malacostraca	
	Order Decapoda	
	Family Ocypodidae	
3	<i>Ocypode</i> sp.	2
	Tổng số loài	3
	Tổng số cá thể/m ²	10

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(6)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước cấp sinh hoạt tại LFS
Ngày nhận mẫu : 12/06/2024
Mã số mẫu : 2406005
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	pH ^(b) (25,0°C)	-	6,98	2 – 12	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 – 1000	2	SMEWW 2130B:2023
3	Độ màu ^(b)	Pt-Co	0	0 – 500	15	TCVN 6185:2015
4	Mùi vị	-	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150.B:2023 SMEWW 2160.B:2023
5	TDS ^(b)	mg/L	80,0	12,0	1000	SMEWW 2540-SolidsC:2023
6	N-NH ₄ ⁺ ^(b)	mg/L	KPH	0,2	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023
7	Độ cứng tổng số ^(b) (tính theo CaCO ₃)	mg/L	68,0	3,0	300	SMEWW 2340C:2023
8	E. coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ^(c)	1	< 1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
9	Nhôm (Al) ^(A)	mg/L	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3113B:2017
10	Arsen (As) ^(A)	mg/L	KPH	63×10 ⁻⁵	0,01	TCVN 6626:2000 (ISO 11969:1996)
11	Florua (F ⁻) ^(A)	mg/L	0,10	0,006	1,5	SMEWW 4110B:2017
12	Sunfua (H ₂ S) ^(A)	mg/L	KPH	0,006	0,05	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ C&D:2017
13	Chì (Pb) ^(A)	mg/L	KPH	0,0028	0,01	TCVN 6193B:1996 (ISO 8288:1986)
14	Thủy ngân (Hg) ^(A)	mg/L	KPH	18×10 ⁻⁵	0,001	TCVN 7877:2008 (ISO 5666:1999)
15	Natri (Na) ^(A)	mg/L	KPH	0,003	200	SMEWW 3111B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vilas 444)

^(c): Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(7)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước uống máy lọc nước tại LFS
Ngày nhận mẫu : 12/06/2024
Mã số mẫu : 2406010

Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	pH ^(b) (25,0°C)	-	6,97	2 – 12	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 – 1000	2	SMEWW 2130B:2023
3	Độ màu ^(b)	Pt-Co	0	0 – 500	15	TCVN 6185:2015
4	Mùi vị	-	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150.B:2023 SMEWW 2160.B:2023
5	TDS ^(b)	mg/L	44,0	12,0	1000	SMEWW 2540-SolidsC:2023
6	N-NH ₄ ⁺ ^(b)	mg/L	KPH	0,2	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023
7	Độ cứng tổng số ^(b) (tính theo CaCO ₃)	mg/L	39,0	3,0	300	SMEWW 2340C:2023
8	E. coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	< 1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
9	Nhôm (Al) ^(A)	mg/L	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3113B:2017
10	Arsen (As) ^(A)	mg/L	KPH	63×10 ⁻⁵	0,01	TCVN 6626:2000 (ISO 11969:1996)
11	Florua (F ⁻) ^(A)	mg/L	0,086	0,006	1,5	SMEWW 4110B:2017
12	Sunfua (H ₂ S) ^(A)	mg/L	KPH	0,006	0,05	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ C&D:2017
13	Chì (Pb) ^(A)	mg/L	KPH	0,0028	0,01	TCVN 6193B:1996 (ISO 8288:1986)
14	Thủy ngân (Hg) ^(A)	mg/L	KPH	18×10 ⁻⁵	0,001	TCVN 7877:2008 (ISO 5666:1999)
15	Natri (Na) ^(A)	mg/L	KPH	0,003	200	SMEWW 3111B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vilas 444)

⁽ⁱ⁾: Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(8)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt tại Trạm Tiếp Bờ LFS (1 điểm xả thải ra kênh T21 – Cống thoát nước)
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT10/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1	DO ^(b)	mg/L	3,32	0 – 16	-	TCNV 7325:2016

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b) : Các chỉ tiêu đã được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0089(9)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Ánh sáng
Ngày quan trắc : 12/06/2024
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp xác định
1	Ánh sáng(*)	TCVN 5176:1990

KẾT QUẢ ĐO ÁNH SÁNG

Điểm đo	Ánh sáng
Đơn vị	Lux
1. Phòng điều khiển	525
QCVN 22:2016/BYT	≥ 500

Ghi chú:

(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(10)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỒ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Điện từ trường
Ngày quan trắc : 12/06/2024 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC ĐIỆN TỪ TRƯỜNG

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc
1	Điện từ trường tần số công nghiệp ^(A)	- QCVN 25:2016/BYT - Máy đo điện từ trường Holaday HI-3604

KẾT QUẢ ĐIỆN TỪ TRƯỜNG

Vị trí quan trắc	Điện trường	Từ trường
Đơn vị	(kV/m)	(A/m)
1. Phòng điều khiển	0,059	0,4978
2. Khu vực thiết bị PVC	0,125	0,5560
QCVN 25:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp (f=50-60Hz)	< 5	< 400
Thời gian tiếp xúc cho phép (giờ)	Không hạn chế	8

Ghi chú:

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ quan trắc (Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sài Gòn)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.